

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Quang Hoàng
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh S. (xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn Út M, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện T, tỉnh L. (vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2022, nguyên đơn Trần Thị Thanh T trình bày tóm tắt như sau: Chị và anh Võ Văn Út M kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/2009, số 127/2009. Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Trần Quỳnh A, sinh ngày 05/4/2009 và Võ Trần Bảo A, sinh ngày 29/8/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh Út M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, khi về nhà thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với

anh Út M. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Út M cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh Võ Văn Út M thể hiện yêu cầu ly hôn của chị T cũng như nội dung liên quan đến quyền nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng anh Út M không hợp tác, không có ý kiến trình bày nào gửi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của chị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn là anh Võ Văn Út M không tham gia phiên họp, không tham gia phiên hòa giải. Nguyên đơn là chị Trần Thị Thanh T có đơn đề nghị không hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn Trần Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Võ Văn Út M đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vắng vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa các bên, thấy rằng: Chị Trần Thị Thanh T và anh Võ Văn Út M kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/2009, số 127/2009, nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh Út M là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị T thấy rằng: Chị T xác định vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, anh Út M không chung thủy, có hành vi bạo lực gia đình, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, nên mới khởi kiện xin ly hôn với anh Út M. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh Võ Văn Út M thể hiện yêu cầu ly hôn của chị T cũng như nội dung liên quan đến quyền nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng anh Út M không hợp tác, không có ý kiến trình bày nào gửi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều đó, cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Út M.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Chị T xác định từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau vào tháng 8/2022 thì chị là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Trần Quỳnh A, sinh ngày 05/4/2009 và Võ Trần Bảo A, sinh ngày 29/8/2018. Cháu Võ Trần Quỳnh A có bản khai thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là chị T. Do anh Út M không hợp tác, không có ý kiến trình bày nào gửi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu nuôi con chung của chị T, nên cũng đảm bảo tính ổn định, phát triển bình thường của các cháu, nên

Hội đồng xét xử quyết định cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Võ Văn Út M không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Võ Văn Út M.
2. Về quyền nuôi con chung: Chị Trần Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Trần Quỳnh A, sinh ngày 05/4/2009 và Võ Trần Bảo A, sinh ngày 29/8/2018.
3. Anh Võ Văn Út M có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh Út M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Út M theo quy định của pháp luật. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh Út M.
4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì chị T, anh Út M, người thân thích của cháu Quỳnh A, cháu Bảo A, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.
5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã

nộp theo biên lai thu số 0004428 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thi hành án phí, nên chị T không phải nộp tiếp. Anh Út M không phải chịu án phí.

6. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

**Trần Văn Khánh**